TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-PT
Ngày 09/12/2022
"V/v yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh và ông Bùi Đức Thanh
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Khắc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc: *"Yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2022/QĐ-PT ngày 07/11/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 86/2022/QĐ-PT ngày 21/11/2022, số: 87/2022/QĐ-PT ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị **Lê Thị Kim C**; nơi ĐKHK: khu 1, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*: anh **Ngô Viết T** và chị **Lê Thị N**; cùng nơi ĐKHK: khu 2, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; cùng chỗ ở hiện nay: số 42, tổ 3, khu 6A, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh. Anh T có mặt, chị N vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Ngô Viết Đ** và bà **Dương Thị T1**; cùng địa chỉ: khu 1, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, đều có mặt.
2. Cháu **Ngô Viết Mẫn P**, sinh năm 2013;
3. Cháu **Ngô Viết Đại H**, sinh năm 2015;
4. Cháu **Ngô Viết Đức D**, sinh năm 2017;
5. Cháu **Ngô Thị Huyền A**, sinh năm 2019;

Cùng địa chỉ: khu 1, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện hợp pháp của các cháu P, H, D, và Huyền A: chị **Lê Thị Kim C**; nơi ĐKHK: khu 1, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Kim C trình bày:* ngày 30/12/2020, vợ chồng tôi đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N quyền sử dụng đất diện tích 160m^2, thửa đất ô số 1, khu quy hoạch Sông Ván, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS 119854, số vào sổ cấp GCN số CH02068 do Uỷ ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 11/7/2019 mang tên người sử dụng đất Ngô Viết H1 - Lê Thị Kim C; giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng thực tế là 2.700.000.000 đồng, anh T - chị N đã trả trước cho vợ chồng tôi 2.100.000.000 đồng và xin nợ lại số tiền 600.000.000 đồng, hẹn trong khoảng hai tháng, từ ngày 27/3/2021 đến 27/5/2021, sẽ trả hết cho vợ chồng tôi, hai bên có viết giấy nhận nợ tại Công ty Bảo vệ 389 và có sự chứng kiến của ông Đỗ Quang V và anh Lê Đức Đ. Ngày 28/3/2021, chồng tôi chết.

Đến hẹn trả tiền nhưng anh T – chị N không trả như đã cam kết, gia đình tôi đã nhiều lần đòi nhưng anh T - chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nốt số tiền còn nợ. Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T - chị N phải trả cho gia đình tôi số tiền 600.000.000 đồng, tôi không yêu cầu trả tiền lãi.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Ngô Viết T trình bày:* tôi thừa nhận vào ngày 30/12/2020, vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng anh H1 – chị C như chị C trình bày nêu trên, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2020, đã được công chứng tại văn phòng công chứng theo qui định, hiện quyền sử dụng đất đã được điều chỉnh biến động mang tên vợ chồng tôi. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 2.700.000.000 đồng, sau khi trừ khoản tiền anh H1 nợ tôi đi thì tôi còn phải trả cho vợ chồng chị C 2.100.000.000 đồng. Do đó, vợ chồng tôi không còn nợ nần gì vợ chồng chị C. Về nội dung giấy nhận nợ đề ngày 27/3/2021, hẹn kể từ ngày 27/3/2021 đến ngày 27/5/2021, phải trả hết số tiền 600.000.000 đồng còn thiếu của anh H1: tôi thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ là của tôi, tuy nhiên lúc này tôi bị anh H1 ép bắt tôi phải ký nhận nợ nên tôi mới ký.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị C: tôi không đồng ý trả số tiền nợ 600.000.000 đồng vì tôi đã trả hết tiền mua đất cho anh H1 rồi. Tôi cung cấp cho Tòa án tất cả giấy tờ liên quan đến việc anh H1 nợ tôi số tiền 937.864.000 đồng (chỉ một mình anh H1 nợ tôi, không liên quan đến chị C), còn việc này chị C có biết hay không tôi không biết. Tuy nhiên tôi không yêu cầu phản tố, tôi sẽ yêu cầu sau, tôi không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Lê Thị N trình bày*: về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng tôi với vợ chồng chú Hoàn - cô Cúc như

anh T trình bày. Mục đích vợ chồng tôi mua thửa đất này là để trừ nợ như thỏa thuận với chú Hoàn vì trong thời gian làm ăn với nhau, chú Hoàn còn nợ tiền vợ chồng tôi nên chú Hoàn thỏa thuận với vợ chồng tôi là sẽ trừ bớt nợ. Cụ thể: chú Hoàn nợ tiền hàng và tiền dầu là 937.864.000 đồng, nên khi mua thửa đất chú Hoàn bảo đưa 2.100.000.000 đồng (giá thửa đất chú Hoàn bán cho vợ chồng tôi là 2.700.000.000 đồng), nên khi trừ nợ đi chú Hoàn vẫn nợ vợ chồng tôi số tiền 337.864.000 đồng, chú Hoàn bảo khi nào làm ăn được tính sau.

Đến ngày 27/3/2021, tôi thấy anh T về nhà kể vừa bị chú Hoàn ép viết giấy nhận nợ 600.000.000 đồng mà đã thỏa thuận với vợ chồng tôi từ ban đầu, cá nhân tôi không đồng ý vì nếu truy cứu bên chú Hoàn còn phải trả cho vợ chồng tôi hơn 337.864.000 đồng nữa. Tuy nhiên, nếu gia đình chú Hoàn không yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền 600.000.000 đồng thì tôi cũng không yêu cầu gia đình chú Hoàn phải trả số tiền 337.864.000 đồng. Nếu gia đình chú Hoàn vẫn yêu cầu vợ chồng tôi phải trả 600.000.000 đồng thì tôi sẽ yêu cầu gia đình chú Hoàn trả tôi số tiền 937.864.000 đồng, nhưng tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này, sau này vợ chồng tôi sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Viết Đ và bà Dương Thị T1 trình bày*: anh Ngô Viết H1 là con trai và chị Lê Thị Kim C là con dâu của chúng tôi. Chúng tôi không trực tiếp chứng kiến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng chị C và vợ chồng anh T và việc anh T ký giấy nhận nợ với anh H1. Chúng tôi chị được vợ chồng chị C nói cho biết việc này. Đến nay anh H1 đã chết, chúng tôi cùng chị C đã nhiều lần đến tìm anh T - chị N để yêu cầu trả số tiền 600.000.000 đồng nhưng anh T - chị N không trả. Nay chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T - chị N phải trả số tiền 600.000.000 đồng, chúng tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Chúng tôi đồng ý để anh T – chị N trả số tiền này cho chị C, chúng tôi sẽ tự thỏa thuận với chị C về số tiền đòi được sau.

** Trong quá trình tố tụng người làm chứng ông Đỗ Quang V trình bày*: tôi là người làm việc tại Công ty Bảo vệ 389 cùng với anh Ngô Viết T và anh Ngô Viết H1, có biết chị Lê Thị Kim C là vợ của anh H1, tôi không có mâu thuẫn gì với những người này. Tôi không được trực tiếp chứng kiến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng chị C và vợ chồng anh T, chỉ nghe nói về việc này. Ngày 27/3/2021, tại văn phòng Công ty Bảo vệ 389, tôi có trực tiếp chứng kiến việc anh T và anh H1 chốt nợ với nhau, nội dung: anh T có mua thửa đất của anh H1 tại khu 7, phường C, tổng diện tích 160m^2 - 2 mặt tiền. Anh T còn thiếu của anh H1 số tiền 600.000.000 đồng và anh T hẹn trong khoảng 02 tháng, kể từ ngày 27/3/2021 đến 27/5/2021, sẽ trả lại cho anh H1. Ngoài tôi chứng kiến còn có anh Lê Đức Đ chứng kiến, hôm đó hai bên hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo; anh H1 và anh T không ai bị ép buộc khi ký vào giấy nhận nợ và đề nghị chúng tôi ký làm chứng vào giấy nhận nợ. Tôi khẳng định việc ký vào giấy nhận nợ của anh Ngô Viết T là tự nguyện, không ai ép buộc.

***Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định**:*

Căn cứ: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 274, 275, 278, 280 và Điều 398, Điều 430, Điều 440, Điều 500, Điều 503 và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 100; Điều 166; 167; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim C về việc kiện "*Tranh chấp kiện đòi tài sản".*

Xử: Buộc anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N phải trả cho chị Lê Thị Kim C số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả cho người được thi hành án số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định.

- Ngày 24/7/2022, bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Ngô Viết T giữ nguyên nội dung kháng cáo ngày 24/7/2022, bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lời khai của người làm chứng ông Đỗ Quang V, là không đúng sự thật.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Ngô Viết T trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các nội dung đơn phản tố bổ sung và chứng cứ tôi đã gửi lên Tòa án nhân dân thị xã Q. Tôi và ông Hoàn đã thỏa thuận trừ số tiền ông Hoàn còn nợ tôi vào tiền bán đất cho vợ chồng tôi, giấy nhận nợ là tôi bị ông Hoàn ép ký, giấy nhận nợ viết trước không đúng địa chỉ của tôi (tôi ở khu 2, giấy viết khu 3) chứ không phải hai bên viết giấy như chị C trình bày. Tôi đề nghị xem xét lời khai của người làm chứng ông Đỗ Quang V, là không đúng sự thật, do Tòa mớm cung.

- Nguyên đơn và là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của các cháu P, H, D và Huyền A, là chị Lê Thị Kim C trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: không đồng ý với kháng cáo bị đơn anh Ngô Viết T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Viết Đ và bà Dương Thị T1 trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: không đồng ý với kháng cáo bị đơn anh Ngô Viết T.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim C là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng như sau: xác định chưa đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định thiếu người tham gia tố tụng; không áp dụng đầy đủ điểm, khoản nào của Điều 26; điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để quyết định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng; xác định chưa đầy đủ nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của người kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về tố tụng, giữ nguyên về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Đối với bị đơn chị Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N:

[2.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim C, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là:*"Tranh chấp yêu cầu tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất";* người bị kiện có địa chỉ tại khu 2, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"* là không chính xác.

[2.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị C khởi kiện yêu cầu anh T – chị N trả số tiền 600.000.000 đồng, là tiền anh T –

chị N còn nợ vợ chồng chị C, khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng chị C. Ngày 28/3/2021, anh H1 (chồng chị C chết), Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông Ngô Viết Đ và bà Dương Thị T1, là bố mẹ đẻ của anh H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không xác định và đưa các con chung của chị C và anh H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ, xác định và đưa các cháu P, H, D và Huyền A là các con chung của chị C và anh H1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C là người đại diện hợp pháp của các cháu P, H, D và Huyền A không có ý kiến gì về việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định và đưa các con chung của chị C và anh H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con chị C và đồng ý tham gia tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào *đơn đề nghị* của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo chuyển tư cách tham gia tố tụng của chị Lê Thị N thành bị đơn trong vụ án, là đã vi phạm Điều 5 và khoản 2 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 5 quy định: đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện… Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ án khi có đơn khởi kiện…và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện; khoản 2 Điều 72 quy định: quyền của bị đơn là được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện. Tuy nhiên, chị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn nên không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng.

[2.3] Về nội dung: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim C là vợ chồng chị C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T với giá 2.700.000.000 đồng; vợ chồng anh T đã trả được 2.100.000.000 đồng, còn nợ 600.000.000 đồng, hẹn trong khoảng thời gian hai tháng, từ ngày 27/3/2021 đến 27/5/2021, sẽ trả hết tiền cho vợ chồng chị C; hai bên có viết giấy nhận nợ tại Công ty Bảo vệ 389, có địa chỉ trụ sở: khu 7, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Đến hẹn trả tiền, anh T không trả như đã cam kết mặc dù chị C cùng gia đình nhiều lần yêu cầu nhưng anh T - chị N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, chị C khởi kiện yêu cầu anh T và chị N phải trả số tiền 600.000.000 đồng, không tính lãi. Anh T thừa nhận chữ ký Thảo và chữ viết Ngô Viết T trong giấy nhận nợ viết tay ngày 27/3/2021, là của anh T nhưng anh T không đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng vì cho rằng anh T bị anh H1 ép buộc phải ký vào giấy nhận nợ và trước đó anh H1 còn thiếu nợ anh T - chị N số tiền hàng và tiền dầu là 937.864.000 đồng nên anh T - chị N trừ nợ đi 600.000.000 đồng, anh H1 còn phải trả cho anh T - chị N số tiền 337.864.000 đồng. Do đó, anh T - chị N đã thanh toán hết tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đỗ Quang V là người đã được chứng kiến anh T khi ký vào giấy nhận nợ ngày 27/3/2021, hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không bị ai ép buộc. Căn cứ quy định tại Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 440 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 167 Luật Đất đai năm 2013, chị C và những người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Viết Đ, bà Dương Thị T1, các cháu: P, Hải, D và Huyền A yêu cầu vợ chồng anh T - chị N phải trả hết số tiền 600.000.000 đồng còn nợ để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 160m^2, thửa đất ô số 1, tờ bản đồ khu quy hoạch Sông Ván; địa chỉ: khu quy hoạch Sông Ván, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo giấy nhận nợ ngày 27/3/2021, là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm: bị đơn anh T cho rằng anh H1 còn nợ anh T số tiền hàng và tiền dầu là 937.864.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn. Anh T – chị N có quan điểm: nếu gia đình anh H1 vẫn yêu cầu anh T – chị N phải trả 600.000.000 đồng thì sẽ yêu cầu gia đình anh H1 trả số tiền 937.864.000 đồng nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này, sau này sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Trước và tại phiên tòa sơ thẩm, anh T - chị N yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu phản tố (đã nộp đơn phản tố và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu phản tố). Theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố nhưng phải yêu cầu trước thời điểm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; hơn nữa, tại Thông báo về việc thụ lý vụ án gửi cho bị đơn đã thông báo cho các đương sự được biết: trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo này, bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án…, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có)...Do đó, trước và tại phiên tòa sơ thẩm anh T – chị N mới có yêu cầu phản tố, là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, anh T cho rằng: anh T và ông Hoàn đã thỏa thuận trừ số tiền ông Hoàn còn nợ anh T vào tiền bán đất cho vợ chồng anh T, giấy nhận nợ là anh T bị ông Hoàn ép ký, giấy nhận nợ viết trước không đúng địa chỉ của tôi (tôi ở khu 2, giấy viết khu 3) và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lời khai của người làm chứng ông Đỗ Quang V, là không đúng sự thật, do Tòa án cấp sơ thẩm mớm cung nhưng đều không đưa ra được chứng cứ.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim C được Tòa án chấp nhận; căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh T – chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thi Nguyên về nội dung.

[3] Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm: ngoài vi phạm về tố tụng như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm còn vi phạm trong việc ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm như sau: ngày 24/7/2022, bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 03/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo cho người kháng cáo là anh T – chị N, nộp tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng, là không đúng quy định tại Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 28 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trong trường hợp này, mỗi người kháng cáo phải

nộp tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng; không áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thừa kế và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp, bổ sung người tham gia tố tụng và về căn cứ pháp luật cần áp dụng. Những vi phạm khác, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N, không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm như nêu trên. Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T và chị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh về tố tụng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 440; Điều 502; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim C đối với anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N.

[2] Buộc anh Ngô Viết T và chị Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim C số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí:

Anh Ngô Viết T - chị Lê Thị N phải chịu 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, anh Ngô Viết T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010694 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh T và chị

N còn phải nộp 27.700.000 đồng *(Hai mươi bẩy triệu, bẩy trăm nghìn đồng)* án phí.

Trả lại cho chị Lê Thị Kim C 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010039 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Lưu VP; HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Hằng